



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

**PKF**

Accountants &  
business advisers

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 32



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### 1. Thông tin chung

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Đồng Nai theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 4703000307 ngày 17 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 7 năm 2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20 tháng 12 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp thành số 3600276414, thay đổi tỷ lệ vốn góp của các cổ đông và bổ sung ngành kinh doanh và bổ sung thêm các chi nhánh hạch toán phụ thuộc;
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 26 tháng 5 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 64.300.000.000 VND lên thành 74.596.700.000 VND và bổ sung thêm chi nhánh hạch toán phụ thuộc;
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 4 năm 2016 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02 tháng 12 năm 2016 về thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (0251) 3 822 368
- Fax : (0251) 3 822 368

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Điều hành tua du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức sự kiện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở chính);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải hành khách du lịch;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát.

044  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHÍNH  
TRỊ  
VIỆT  
NAM  
TP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Quân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Thức	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên
Ông Phạm Đức Bình	Thành viên
Ông Huỳnh Quốc Bảo	Thành viên

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên
Ông Phạm Văn Tâm	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Minh Thức	Giám đốc
Ông Huỳnh Quốc Bảo	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn An	Phó Giám đốc

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Minh Thức	Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

8994  
CÔNG TY  
THƯƠNG MẠI  
TUẦN  
T N  
HỒ C

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**7. Công bố các báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**NGUYỄN MINH THỨC**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2019







Số: 263/2019/BCKT-HCM.00844

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRẦN ĐẶC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2019

**TRẦN THỊ LAN**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4157-2018-009-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.280.876.193</b>	<b>59.595.207.707</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>18.219.846.243</b>	<b>9.819.094.965</b>
Tiền	111		8.136.673.628	6.800.624.743
Các khoản tương đương tiền	112		10.083.172.615	3.018.470.222
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>33.352.909.846</b>	<b>37.064.050.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	33.352.909.846	37.064.050.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.430.628.366</b>	<b>5.424.244.476</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.248.115.476	2.936.688.026
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	246.333.454	409.938.201
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	1.936.179.436	2.115.588.420
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	-	(37.970.171)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.739.394.015</b>	<b>6.874.462.476</b>
Hàng tồn kho	141	5.7	4.739.394.015	6.874.462.476
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>538.097.724</b>	<b>413.355.790</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	538.097.724	413.355.790
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>54.778.830.004</b>	<b>57.642.720.431</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.551.999.000</b>	<b>3.216.779.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	3.551.999.000	3.216.779.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.799.872.788</b>	<b>41.998.630.528</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	35.363.254.788	38.556.095.873
Nguyên giá	222		100.294.295.992	98.630.959.128
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.931.041.204)	(60.074.863.255)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.436.618.000	3.442.534.655
Nguyên giá	228		3.742.097.750	3.742.097.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(305.479.750)	(299.563.095)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.229.722.102</b>	<b>3.229.722.102</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	3.229.722.102	3.229.722.102
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2.2	<b>3.596.450.000</b>	<b>3.465.691.225</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.695.200.000	1.695.200.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.901.250.000	1.901.250.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(130.758.775)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.600.786.114</b>	<b>5.731.897.576</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	5.600.786.114	5.731.897.576
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>117.059.706.197</b>	<b>117.237.928.138</b>

3002  
CỔ  
HẠCH N  
KIỂM  
TFC  
1-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.662.122.943</b>	<b>23.456.882.774</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.701.571.944</b>	<b>20.460.319.274</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.906.433.924	3.722.343.335
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	2.759.727.308	3.331.569.881
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.810.563.737	4.528.748.643
Phải trả người lao động	314	5.15	6.801.570.515	5.866.551.982
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	416.999.623	388.144.756
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	7.632.930.229	199.792.777
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	9.373.346.608	2.423.167.900
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.960.550.999</b>	<b>2.996.563.500</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	571.600.000	591.600.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.19	2.388.950.999	2.404.963.500
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>79.397.583.254</b>	<b>93.781.045.364</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>79.397.583.254</b>	<b>93.781.045.364</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		74.596.750.000	74.596.750.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.596.750.000	74.596.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.902.986.715	5.902.986.715
Cổ phiếu quỹ	415		(2.506.253.750)	(2.506.253.750)
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.537.086.987
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.404.100.289	14.250.475.412
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		275.946.013	85.294.202
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.128.154.276	14.165.181.210
<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>117.059.706.197</b>	<b>117.237.928.138</b>



**ĐINH THỊ LIÊN**  
Người lập biểu

**ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN MINH THỨC**  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	269.211.197.893	252.767.924.565
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		269.211.197.893	252.767.924.565
Giá vốn hàng bán	11	6.2	200.899.570.952	186.797.745.894
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>68.311.626.941</b>	<b>65.970.178.671</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.152.415.189	3.294.413.732
Chi phí tài chính	22	6.4	(130.758.775)	(102.195.616)
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	49.121.317.222	46.278.791.959
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7.632.073.929	12.439.835.472
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>14.841.409.754</b>	<b>10.648.160.588</b>
Thu nhập khác	31	6.7	1.280.798.841	16.899.254.467
Chi phí khác	32	6.8	15.500.008	165.854.155
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.265.298.833</b>	<b>16.733.400.312</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>16.106.708.587</b>	<b>27.381.560.900</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	3.141.907.311	5.935.454.690
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>12.964.801.276</b>	<b>21.446.106.210</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.155	2.115



**ĐINH THỊ LIÊN**  
Người lập biểu

**ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN MINH THỨC**  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	16.106.708.587	27.381.560.900
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.033.133.596	5.090.702.934
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	(184.741.447)	2.302.597.275
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(460.457)	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.136.454.724)	(19.004.969.152)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>17.818.185.555</b>	<b>15.769.891.957</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	500.348.456	(1.601.854.564)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	2.135.068.461	(462.339.819)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,	11	3.642.377.242	2.371.468.698
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.369.528	(472.828.048)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.335.630.229)	(3.671.609.141)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.537.086.987)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.651.957.178)	(1.417.932.962)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.577.674.848</b>	<b>10.514.796.121</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.849.875.864)	(8.854.687.900)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	17.964.545.455
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	3.711.140.154	(11.064.050.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.347.972.558	2.257.053.300
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.209.236.848</b>	<b>302.860.855</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.386.620.875)	(14.549.880.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.386.620.875)</b>	<b>(14.549.880.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>8.400.290.821</b>	<b>(3.732.223.024)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>9.819.094.965</b>	<b>13.551.317.989</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	460.457	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>18.219.846.243</b>	<b>9.819.094.965</b>



**ĐINH THỊ LIÊN**  
Người lập biểu

**ĐẶNG THỊ TÓ NGÂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN MINH THỨC**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Du lịch Đồng Nai thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, khách sạn, nhà hàng ăn uống, dịch vụ lữ hành.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Điều hành tua du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức sự kiện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở chính);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh khu du lịch sinh thái;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải hành khách du lịch;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc của Công ty****Các công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1)	Khách sạn Hòa Bình – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	06, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
2)	Trung tâm dịch vụ lữ hành – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ lữ hành.
3)	Khách sạn Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	57, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
4)	Trung tâm thương mại tổng hợp – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh công nghệ phẩm.
5)	Nhà hàng Đồng Nai – Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	33, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.
6)	Nhà hàng Sen Vàng – CN Công ty cổ phần Du lịch Đồng Nai	105B, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh dịch vụ ăn uống.

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 207 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 214 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### Các khoản đầu tư vào liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

5-C/1  
Y  
U HẠN  
N  
M  
HÍ MẬP



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các khoản đầu tư liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-33 năm
Máy móc và thiết bị	05-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05 năm
Tài sản cố định khác	04 năm



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

# THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 288, tờ bản đồ số 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với diện tích là 278,1 m<sup>2</sup>, nguyên giá là 3.353.886.000 VND, thời gian sử dụng lâu dài không trích khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại thửa số 158, tờ bản đồ địa chính số 27 với diện tích 25 m<sup>2</sup>, nguyên giá là 150.000.000 VND (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) Công ty tạm trích khấu hao là 50 năm.

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

004  
CÔ  
CH NH  
KIẾN  
C VI  
TP



## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### 4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào Quỹ tiền lương kế hoạch của năm 2018 được xác định theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

#### 4.13 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng trợ cấp thôi việc.

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương tối thiểu vùng theo Nghị định 153/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 x Hệ số chức danh, công việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.14 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

489  
T  
M  
T  
T  
H



#### **4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.18 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khách sạn Vĩnh An	Công ty liên kết
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Bên có liên quan của Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt		
+ VND	5.264.361.021	3.724.391.364
+ USD	6.644.327	6.503.722
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ VND	2.850.769.427	3.054.871.162
+ USD	14.898.853	14.858.495
Các khoản tương đương tiền - VND (*)	10.083.172.615	3.018.470.222
	<b>18.219.846.243</b>	<b>9.819.094.965</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi dưới 3 tháng, lãi suất tiền gửi là 5,5%/năm.

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ – USD	286,95	6.644.327
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	643,44	14.898.853

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	33.352.909.846	33.352.909.846	37.064.050.000	37.064.050.000
	<b>33.352.909.846</b>	<b>33.352.909.846</b>	<b>37.064.050.000</b>	<b>37.064.050.000</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng, kỳ hạn gửi từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 6,3%/năm đến 7,2%/năm.

**5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.695.200.000</b>	-		<b>1.695.200.000</b>	(130.758.775)	
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	1.695.200.000	-	(*)	1.695.200.000	(130.758.775)	(*)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>1.901.250.000</b>	-		<b>1.901.250.000</b>	-	
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	126.250.000	-	(*)	126.250.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	1.575.000.000	-	(*)	1.575.000.000	-	(*)
	<b>3.596.450.000</b>	-		<b>3.596.450.000</b>	(130.758.775)	

Thông tin chi tiết của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần khách sạn Vĩnh An	Số 217, đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	36,87%	36,87%



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	01A Xa Lộ Hà Nội, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh thực phẩm tươi sống, cung cấp suất ăn công nghiệp	8,00%	8,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Miền Đông	9/23 Đại lộ Bình Đông, P.Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Mua bán rượu bia, nước giải khát, ăn uống	0,15%	0,15%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Đường 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	3,94%	3,94%

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tại ngày đầu năm	(130.758.775)	(233.125.000)
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	130.758.775	102.366.225
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>(130.758.775)</b>

**Giao dịch với công ty liên kết**

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết.

**5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>243.927.999</b>	<b>325.145.999</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	243.927.999	325.145.999
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>3.004.187.477</b>	<b>2.611.542.027</b>
Trung tâm Văn Miếu Trấn Biên	66.238.000	80.592.000
Kiểm Toán Nhà Nước Khu Vực 3	284.557.149	-
Tổng Công ty Tín Nghĩa	202.650.000	-
Công Ty TNHH Nestle Việt Nam	-	352.684.000
Các khách hàng khác	2.450.742.328	2.178.266.027
	<b>3.248.115.476</b>	<b>2.936.688.026</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Kiến Long	-	174.650.000
Công ty Cổ phần Fiditour	-	150.750.000
Nhà cung cấp dịch vụ tour Xuyên Việt	127.360.000	-
Các nhà cung cấp khác	118.973.454	84.538.201
	<b>246.333.454</b>	<b>409.938.201</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi	1.055.470.386	-	1.580.390.988	-
Phải thu tiền vé máy bay	834.593.050	-	470.194.620	-
Tạm ứng	45.000.000	-	47.337.070	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.116.000	-	17.665.742	-
	<b>1.936.179.436</b>	<b>-</b>	<b>2.115.588.420</b>	<b>-</b>

**5.5.2 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ký cược, ký quỹ	3.551.999.000	-	3.216.779.000	-
	<b>3.551.999.000</b>	<b>-</b>	<b>3.216.779.000</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty TNHH Thương mại Du lịch Quốc tế Đình Anh	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	24.295.500	-
Phạm Minh Khương	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm	13.674.671	-
		<b>-</b>	<b>-</b>		<b>37.970.171</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.7 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	<b>Giá gốc</b> VND	<b>Dự phòng</b> VND	<b>Giá gốc</b> VND	<b>Dự phòng</b> VND
Nguyên liệu, vật liệu	290.530.322	-	290.674.451	-
Công cụ, dụng cụ	760.282.574	-	893.904.045	-
Hàng hóa	3.688.581.119	-	5.689.883.980	-
	<b>4.739.394.015</b>	<b>-</b>	<b>6.874.462.476</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b> VND	<b>01/01/2018</b> VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	364.433.930	367.538.808
Chi phí bảo hiểm	49.862.709	33.835.001
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	51.737.883	1.087.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	72.063.202	10.894.981
	<b>538.097.724</b>	<b>413.355.790</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2018</b> VND	<b>01/01/2018</b> VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.232.580.764	4.264.151.252
Chi phí sửa chữa lớn nhà hàng, khách sạn chờ phân bổ	2.120.575.920	1.328.078.107
Các chi phí trả trước dài hạn khác	247.629.430	139.668.217
	<b>5.600.786.114</b>	<b>5.731.897.576</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2018	75.776.709.022	15.827.957.405	6.780.275.225	246.017.476	98.630.959.128
Mua trong năm	-	1.601.480.864	-	56.875.000	1.658.355.864
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	191.520.000	-	-	-	191.520.000
Giảm do thanh lý	-	(121.539.000)	-	(65.000.000)	(186.539.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>75.968.229.022</b>	<b>17.307.899.269</b>	<b>6.780.275.225</b>	<b>237.892.476</b>	<b>100.294.295.992</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2018	43.877.114.124	10.791.532.704	5.211.497.709	194.718.718	60.074.863.255
Khấu hao trong năm	2.930.942.841	1.712.102.529	356.014.498	28.157.073	5.027.216.941
Giảm do thanh lý	-	(121.539.000)	-	(49.499.992)	(171.038.992)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>46.808.056.965</b>	<b>12.382.096.233</b>	<b>5.567.512.207</b>	<b>173.375.799</b>	<b>64.931.041.204</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2018	31.899.594.898	5.036.424.701	1.568.777.516	51.298.758	38.556.095.873
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>29.160.172.057</b>	<b>4.925.803.036</b>	<b>1.212.763.018</b>	<b>64.516.677</b>	<b>35.363.254.788</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2018	5.899.842.246	5.255.822.529	1.542.646.936	133.690.200	12.832.001.911
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>13.911.772.091</b>	<b>8.109.324.059</b>	<b>3.986.520.681</b>	<b>149.517.474</b>	<b>26.157.134.305</b>

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2018	3.503.886.000	238.211.750	3.742.097.750
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>3.503.886.000</b>	<b>238.211.750</b>	<b>3.742.097.750</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2018	64.268.000	235.295.095	299.563.095
Khấu hao trong năm	3.000.000	2.916.655	5.916.655
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>67.268.000</b>	<b>238.211.750</b>	<b>305.479.750</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2018	3.439.618.000	2.916.655	3.442.534.655
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>3.436.618.000</b>	<b>-</b>	<b>3.436.618.000</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2018	-	133.211.750	133.211.750
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>-</b>	<b>238.211.750</b>	<b>238.211.750</b>

3004  
**CÔNG**  
**CHÍNH**  
**KIỂM**  
**TRẠNG**  
**TP**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2018 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình trong năm VND	31/12/2018 VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình mở rộng khách sạn Hòa Bình	3.118.704.011	-	-	3.118.704.011
- Công trình xây dựng khách sạn Nhơn Trạch	111.018.091	-	-	111.018.091
- Vách ngăn tiểu cảnh NH Sen Vàng	-	191.520.000	(191.520.000)	-
	<b>3.229.722.102</b>	<b>191.520.000</b>	<b>(191.520.000)</b>	<b>3.229.722.102</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Bia và nước giải khát Việt Nam (VBB)	1.715.338.619	827.983.868
Cơ sở Hải sản Hưng Huy Phát	182.407.000	193.297.310
Cơ sở hải sản Trần Thị Chi	288.929.100	143.146.500
Các nhà cung cấp khác	2.719.759.205	2.557.915.657
	<b>4.906.433.924</b>	<b>3.722.343.335</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Khách hàng đặt cọc tiệc	2.068.644.434	3.080.029.434
Các khách hàng khác	691.082.874	251.540.447
	<b>2.759.727.308</b>	<b>3.331.569.881</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2018 Phải nộp VND	Số phát sinh trong năm		31/12/2018 Phải nộp VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	743.131.422	8.784.094.313	(8.522.539.260)	1.004.686.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.035.454.690	3.141.907.311	(5.335.630.229)	841.731.772
Thuế thu nhập cá nhân	53.267.923	165.808.809	(214.117.242)	4.959.490
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	696.894.608	1.516.942.892	(1.254.651.500)	959.186.000
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
	<b>4.528.748.643</b>	<b>13.617.753.325</b>	<b>(15.335.938.231)</b>	<b>2.810.563.737</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>16.106.708.587</b>	<b>27.381.560.900</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	210.542.045	2.547.969.893
Các khoản điều chỉnh giảm	(460.457)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>16.316.790.175</b>	<b>29.929.530.793</b>
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(607.253.620)	(252.257.343)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>15.709.536.555</b>	<b>29.677.273.450</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.141.907.311</b>	<b>5.935.454.690</b>
<b>5.15 Phải trả người lao động</b>		
	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
Quỹ lương còn phải trả	6.801.570.515	5.866.551.982
	<b>6.801.570.515</b>	<b>5.866.551.982</b>
<b>5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải trả tiền điện, nước, điện thoại	359.129.760	311.910.438
Chi phí phải trả dịch vụ mua ngoài	54.841.997	54.550.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.027.866	21.684.318
	<b>416.999.623</b>	<b>388.144.756</b>
<b>5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác</b>		
<b>5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác</b>		
	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.287.836.250	11.970.000
Tiền vé máy bay phải trả cho Vietnam Airline	238.279.755	121.199.777
Thù lao Hội đồng Quản trị	104.000.010	63.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.814.214	3.623.000
	<b>7.632.930.229</b>	<b>199.792.777</b>
<b>5.17.2 Phải trả dài hạn khác</b>		
	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	571.600.000	591.600.000
	<b>571.600.000</b>	<b>591.600.000</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2018 VND	Trích quỹ trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2018 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.329.820.935	9.690.654.611	(3.354.707.178)	8.665.768.368
Quỹ thưởng Ban điều hành	93.346.965	911.481.275	(297.250.000)	707.578.240
	<b>2.423.167.900</b>	<b>6.046.413.886</b>	<b>(3.651.957.178)</b>	<b>9.373.346.608</b>

**5.19 Dự phòng phải trả dài hạn**

	01/01/2018 VND	Chi trả trong năm VND	31/12/2018 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.404.963.500	16.012.501	2.388.950.999
	<b>2.404.963.500</b>	<b>16.012.501</b>	<b>2.388.950.999</b>

Là khoản trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức ½ tháng lương tối thiểu vùng theo Nghị định 153/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 x Hệ số chức danh, công việc tại thời điểm trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.20 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)****5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm 2017</b>						
Tại ngày 01/01/2017	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	1.027.280.064	10.515.253.823	89.536.016.852
Lãi trong năm	-	-	-	-	21.446.106.210	21.446.106.210
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016	-	-	-	-	(7.280.925.000)	(7.280.925.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(39.227.698)	(39.227.698)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	509.806.923	(509.806.923)	-
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2017	-	-	-	-	(7.280.925.000)	(7.280.925.000)
Tại ngày 31/12/2017	<b>74.596.750.000</b>	<b>5.902.986.715</b>	<b>(2.506.253.750)</b>	<b>1.537.086.988</b>	<b>14.250.475.412</b>	<b>93.781.045.364</b>
<b>Năm 2018</b>						
Tại ngày 01/01/2018	74.596.750.000	5.902.986.715	(2.506.253.750)	1.537.086.988	14.250.475.412	93.781.045.364
Lãi trong năm	-	-	-	-	12.964.801.276	12.964.801.276
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017	-	-	-	-	(7.928.115.513)	(7.928.115.513)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2018	-	-	-	-	(7.280.925.000)	(7.280.925.000)
Chia cổ tức từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(1.537.086.988)	-	(1.537.086.988)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(9.690.654.611)	(9.690.654.611)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(911.481.275)	(911.481.275)
Tại ngày 31/12/2018	<b>74.596.750.000</b>	<b>5.902.986.715</b>	<b>(2.506.253.750)</b>	<b>-</b>	<b>1.404.100.289</b>	<b>79.397.583.254</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long	49.200.000.000	65,95	49.200.000.000	65,95
Công ty TNHH Thanh Bình	12.195.000.000	16,35	12.089.250.000	16,21
Bà Huỳnh Thị Bích Phượng	7.942.500.000	10,65	7.940.000.000	10,64
Các cổ đông khác	3.471.750.000	4,65	3.580.000.000	4,80
Cổ phiếu quỹ được mua lại	1.787.500.000	2,40	1.787.500.000	2,40
	<b>74.596.750.000</b>	<b>100,00</b>	<b>74.596.750.000</b>	<b>100,00</b>

**5.20.3 Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.459.675	7.459.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu phổ thông	7.459.675	7.459.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	178.750	178.750
- Cổ phiếu phổ thông	178.750	178.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu phổ thông	7.280.925	7.280.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.

**5.20.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 02 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2017	: 7.928.115.513
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017	: 5.646.932.611
• Trích quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017	: 399.481.275

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 cho các cổ đông với số tiền 7.280.925.000 VND (một cổ phiếu đang lưu hành được nhận 1.000 VND); tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2018 với số tiền 4.555.722.000 VND và đã được Hội đồng quản trị thông qua.

**5.21 Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2018	01/01/2018
Dollar Mỹ (USD)	930,39	942,52

04489  
**ĐỒNG**  
**VIỆT**  
**M. T. O**  
**VIỆT**  
**TP. HỒ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa	145.224.664.084	132.568.773.594
Doanh thu cung cấp dịch vụ	123.986.533.809	120.199.150.971
	<b>269.211.197.893</b>	<b>252.767.924.565</b>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong năm Công ty không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ trọng yếu cho công ty liên kết.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	148.389.148.026	130.770.356.036
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	52.510.422.926	56.027.389.858
	<b>200.899.570.952</b>	<b>186.797.745.894</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	2.544.701.112	3.042.156.389
Cổ tức, lợi nhuận được chia	607.253.620	252.257.343
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản mục có gốc tiền tệ	460.457	-
	<b>3.152.415.189</b>	<b>3.294.413.732</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(130.758.775)	(102.366.225)
Chi phí tài chính khác	-	170.609
	<b>(130.758.775)</b>	<b>(102.195.616)</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	27.983.818.391	24.875.781.351
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.412.362.807	3.860.226.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.760.488.981	4.785.974.970
Thuế, phí và lệ phí	1.579.221.195	1.518.010.331
Chi phí điện nước, điện thoại, bảo trì thang máy	7.434.275.872	5.456.347.671
Chi phí bán hàng khác	2.951.149.976	5.782.451.276
	<b>49.121.317.222</b>	<b>46.278.791.959</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	5.533.259.642	9.548.674.182
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.442.030	141.390.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	272.644.615	304.727.964
Thuế, phí và lệ phí	363.247.934	597.885.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.082.985	283.255.804
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.094.396.723	1.563.901.323
	<b>7.632.073.929</b>	<b>12.439.835.472</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	15.710.555.420
<i>Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>	-	17.964.545.455
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý</i>	-	2.253.990.035
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	25.872.728	110.249.089
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	720.000.000	515.000.000
Thu nhập từ các khoản chiết khấu, hỗ trợ	311.824.077	53.060.201
Thu nhập từ tiền cọc khách hàng bỏ tiệc	43.143.000	58.745.366
Thu nhập khác	179.959.036	451.644.391
	<b>1.280.798.841</b>	<b>16.899.254.467</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	15.500.008	-
Chi phí khác	-	165.854.155
	<b>15.500.008</b>	<b>165.854.155</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.964.801.276	21.446.106.210
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.043.722.000)	(5.646.932.611)
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	(512.000.000)	(399.481.275)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.409.079.276	15.399.692.324
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.280.925	7.280.925
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.155</b>	<b>2.115</b>

(\*) Trong năm 2018, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 02 năm 2018. Việc trích lập các quỹ này làm cho lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông giảm từ 21.446.106.210 VND xuống còn 15.399.692.324 VND, dẫn đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2017 giảm từ 2.946 VND/Cổ phiếu xuống còn 2.115 VND/Cổ phiếu.

Ngoài ra, Công ty cũng tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2018 với số tiền 4.555.722.000 VND và đã được Hội đồng quản trị thông qua.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.280.925	7.280.925
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>7.280.925</b>	<b>7.280.925</b>

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí mua hàng hóa	146.387.845.165	135.716.836.038
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.178.353.970	34.231.218.367
Chi phí nhân công	33.775.891.981	34.569.255.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.033.133.596	5.090.702.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.288.418.701	24.444.871.741
Chi phí khác	5.988.015.828	11.021.901.404
	<b>255.651.659.241</b>	<b>245.074.786.017</b>

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	1.627.200.000	1.559.520.000
	<b>1.627.200.000</b>	<b>1.559.520.000</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long		
- Bán hàng	3.225.814.000	856.706.555
- Chia cổ tức	6.396.000.000	9.840.000.000

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**7.2 Số liệu so sánh****7.2.1 Điều chỉnh theo Quyết định của Ủy Ban kiểm toán nhà nước**

Theo Thông báo số 492/TE-KV XIII của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty và Biên bản kiểm toán ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh 31/12/2017 VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh 31/12/2017 VND	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.962.316.874	153.271.546	2.115.588.420	(i)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	3.374.315.247	(42.745.366)	3.331.569.881	(ii)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.932.029.574	596.719.069	4.528.748.643	(iii)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	643.452.056	(255.307.300)	388.144.756	(iii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	14.395.870.270	(145.394.857)	14.250.475.413	(iv)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
		Năm 2017	Các điều chỉnh	Năm 2017	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.141.142.186	153.271.546	3.294.413.732	(i)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.998.248.164	441.587.308	12.439.835.472	(iii)
Thu nhập khác	31	16.856.509.101	42.745.366	16.899.254.467	(ii)
Chi phí thuế TNDN hiện hành		6.035.630.229	(100.175.539)	5.935.454.690	(iii)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.965	(20)	2.946	(v)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒNG NAI**

105 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- (i) Phải thu ngắn hạn khác và doanh thu tài chính tăng do điều chỉnh tăng lãi dự thu theo biên bản kiểm toán nhà nước.
- (ii) Người mua trả tiền trước và phải thu khác tăng do điều chỉnh giảm khoản đặt cọc tiệc của khách hàng đã bị hủy tiệc theo biên bản kiểm toán nhà nước
- (iii) Là khoản điều chỉnh ghi nhận bổ sung tiền thuê đất theo giá trên hợp đồng thuê đất số tiền 441.587.308 VND; phân loại "chi phí phải trả" - tiền thuê đất sang khoản mục "thuế nhà đất, tiền thuê đất" số tiền 255.307.300 VND và điều chỉnh giảm thuế thuế TNDN số tiền 100.175.539 VND theo biên bản kiểm toán nhà nước.
- (iv) Điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo biên bản kiểm toán nhà nước
- (v) Theo biên bản kiểm toán nhà nước lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm từ 14.395.870.270 VND xuống 14.250.475.413 VND, dẫn đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2017 giảm từ 2.965 VND/Cổ phiếu xuống còn 2.946 VND/Cổ phiếu.

**7.2.2 Ảnh hưởng của việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 02 năm 2018**

Trong năm 2018, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 02 năm 2018.

Việc trích lập các quỹ này làm cho lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông giảm từ 21.446.106.210 VND xuống còn 15.399.692.324 VND, dẫn đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2017 giảm từ 2.946 VND/Cổ phiếu xuống còn 2.115 VND/Cổ phiếu.

Ảnh hưởng của việc trích lập các quỹ nêu trên đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

Mã số	Số liệu trước điều chỉnh Năm 2017 VND/Cổ phiếu	Điều chỉnh VND/Cổ phiếu	Số liệu sau điều chỉnh Năm 2017 VND/Cổ phiếu
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	70	2.946 (830)	2.115

**7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**ĐINH THỊ LIÊN**  
Người lập

**ĐANG THỊ TỐ NGÂN**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN MINH THỨC**  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2019